

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Số: 08 /2016/HĐQT-VNR

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
(6 tháng năm 2016)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty niêm yết: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Địa chỉ: 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 3 9422354

Fax: 04 39422351

Vốn điều lệ: 1.310.759.370.000 VND

Mã chứng khoán: VNR

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	09/2016/NQ-ĐHĐCĐ	28/04/2016	Kết quả họp ĐHĐCĐ thường niên 2016 ngày 28/04/2015: + Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh 2015; + Phê duyệt phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2015, thù lao của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2015; + Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015; + Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015; + Thông qua toàn văn Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi lần thứ 4; + Thông qua phương thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2016;

II. Hội đồng quản trị (6 tháng năm 2016):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Song Lai	Chủ tịch HĐQT	Giữ chức Chủ tịch HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	02	100%	
2	Ông Martyn Parker	Phó Chủ tịch HĐQT	Bầu Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/4/2015	01	50%	Vắng mặt tại Kỳ họp HĐQT lần thứ 4, NK III vì bận công tác - Ủy quyền cho ông Beat Schnegg tham dự
3	Ông Phan Kim Bằng	Phó Chủ tịch HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015 và Phó chủ tịch HĐQT tại Phiên họp HĐQT lần thứ III, Nhiệm kỳ III ngày 18/11/2015	02	100%	
4	Ông Phạm Công Tứ	Thành viên HĐQT	Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT	02	100%	
5	Ông Trần Vĩnh Đức	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	01	50%	Vắng mặt tại Kỳ họp HĐQT lần thứ 4, NKIII vì lý do công tác, Ủy quyền cho ông Phạm Công Tứ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
6	Ông Đào Nam Hải	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	01	50%	- Vắng mặt tại Kỳ họp HĐQT lần thứ 5, NKIII vì lý do công tác, ủy quyền cho ông Phạm Công Tứ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
7	Ông Phạm Sỹ Danh	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	02	100%	Bầu thành viên HĐQT từ ngày 22/4/2015
8	Ông Beat Schnegg	Thành viên	Bầu thành viên	02	100%	Bầu thành viên

		HĐQT	HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015			HĐQT từ ngày 22/4/2015
9	Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	02	100%	Bầu thành viên HĐQT từ ngày 22/4/2015

Ngoài các phiên họp trực tiếp nêu trên, khi có vấn đề phát sinh, để đảm bảo thực tiễn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, HĐQT Tổng công ty tổ chức họp qua telephone conference hoặc các hình thức thảo luận và lấy ý kiến biểu quyết khác. 100% các thành viên HĐQT đều tham dự và tham gia biểu quyết.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc (theo Quyết định 12/2007/QĐ-BTC):

- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Tổng Công ty.
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng qui định với Ban kiểm soát và Ban Giám đốc điều hành.
- Mọi cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự và tham gia ý kiến của Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.
- Các đề xuất của Ban Giám đốc đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Tổng Công ty chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ và các qui định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban Nhân sự: Rà soát lại các nội dung công việc của Tiểu ban về lên chương trình hành động, qui hoạch cán bộ.
- Tiểu ban Chính sách phát triển: Rà soát thị trường và đánh giá thông tin khách hàng.
- Tiểu ban Lương thưởng: Rà soát các chính sách liên quan đến bảo hiểm xã hội, lương thưởng.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (6 tháng năm 2016):

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Quyết định số 01/2016/QĐ- HĐQT	06/01/2016	Giao Tổng giám đốc quyết định các giao dịch với bên có liên quan của Người nội bộ
2	Quyết định số 02/2016/QĐ-HĐQT	02/02/2016	Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016
3	Quyết định số 04/2016/QĐ-HĐQT	23/3/2016	Kết quả Phiên họp HĐQT lần thứ IV, Nhiệm kỳ III + Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2015;

			+ Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2015 và trình ĐHĐCĐ thông qua; + Phê duyệt và trình ĐHĐCĐ thông qua thù lao của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2015; + Thông qua Báo cáo giao dịch với bên có liên quan 2015; + Thông qua Báo cáo giao dịch với các bên liên quan + Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2015 và Quý I/2016; + Bổ nhiệm lại ông Mai Xuân Dũng chức vụ Phó Tổng giám đốc VINARE, thời hạn 03 năm tính từ ngày 01/4/2016. Ông Mai Xuân Dũng được hưởng lương bậc II/IV hệ số Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/4/2016 theo thang bảng lương hiện hành của VINARE, các lợi ích khác theo qui định của VINARE; + Nhất trí và trình ĐHĐCĐ thông qua đề xuất của Ban kiểm soát về danh sách các công ty kiểm toán độc lập lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2016; + HĐQT ủy quyền Chủ tịch HĐQT phê chuẩn các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2016 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016.
4	Quyết định số 05/2016/QĐ-HĐQT	24/3/2016	+ Bổ nhiệm lại ông Mai Xuân Dũng – Giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc VINARE thời hạn 03 năm kể từ ngày 01/4/2016; + Ông Mai Xuân Dũng được hưởng lương bậc II/IV hệ số Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/4/2016. Các lợi ích khác theo qui định của VINARE.
5	Quyết định số 06/2015/QĐ- HĐQT	07/4/2016	+ Cử cán bộ tham gia Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 28/4/2016; + Chỉ định Tổ thư ký tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 28/4/2016; + Đề cử cán bộ để Đại hội đồng cổ đông thường niên 28/4/2016 bầu vào Ban kiểm phiếu.
5	Quyết định số 07/2016/QĐ- HĐQT	12/4/2016	+ Chấp thuận việc miễn nhiệm chức danh Người đại diện vốn của VINARE tại ABIC đối với ông Đặng Thế Vinh, Phó Tổng giám đốc VINARE và cử bà Lưu Thị Việt Hoa, Kế toán trưởng VINARE làm Người đại diện vốn cho 32 tỷ VND vốn của VINARE tại ABIC. Đề cử bà Lưu Thị Việt Hoa tham gia ứng cử vào HĐQT của ABIC nhiệm kỳ 2012-2017
6	Quyết định số 08/2016/QĐ- HĐQT	21/4/2016	+ Thông qua toàn văn và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi lần

			thứ 4 của VINARE.
7	Quyết định số 10/2016/QĐ- HĐQT	8/6/2016	+ Nhất trí lựa chọn Deloitte Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2016 của VINARE.

III. Ban Kiểm soát (6 tháng năm 2016):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1.	Ông Trần Trung Tính	Trưởng BKS	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	01	100%	
2	Ông Trần Phan Việt Hải	Thành viên BKS	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	01	100%	
3	Ông Đỗ Quang Khánh	Thành viên BKS	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	01	100%	
4	Bà Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên BKS	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	01	100%	
5	Ông Deepak Mohan	Thành viên BKS	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	01	100%	

2. Hoạt động giám sát/phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT
- Tổ chức họp BKS định kỳ theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ TCTy
- Tham gia ý kiến về định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh của TCTy
- Thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành TCTy
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của TCTy
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng năm lên đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên
- Xem xét các báo cáo và thư quản lý của tổ chức kiểm toán

- Xem xét các kế hoạch, báo cáo của TCTy về: đầu tư, các phương án phát triển hợp tác kinh doanh, công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và TCTy
- Phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban quản lý, nghiệp vụ TCTy.

IV. Đào tạo về quản trị công ty

Phối hợp với Swiss Re đào tạo và tổ chức Hội thảo về Quản trị nguồn nhân lực

V. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (năm 2015) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty:

1. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán: Không
2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: (file đính kèm)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ sở chính	Thời điểm giao dịch với công ty (nếu có)	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (QĐ phê chuẩn của TBH của 2015)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch (bỏ)	Ghi chú

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: (không có)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

- VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (6 tháng đầu năm 2016):**

[illegible]

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Quỹ FTIF - Templeton Frontier Markets Fund	Cổ đông	5.782.195	4,41%	5.741,795	4,38%	

Chủ tịch HĐQT

Lê Song Lai

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ
(Đính kèm Báo cáo quản trị công ty 6 tháng năm 2016)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi	Địa chỉ trụ sở chính	Số Quyết định phê chuẩn
1	Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt	Cổ đông lớn	Số 45GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23/11/2004	Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Số 21/2015/QĐ-HĐQT
Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và Bảo Việt trong 6 tháng đầu năm 2016					
STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	BAOVIET ENGINEERING 1ST SURPLUS TREATY 2016	IN2016-ENG-BV-1SP.001	01/01/2016	31/12/2016	
2	TRIVIET ENERGY	IN2016-ENG-BV-FAC.002	20/01/2016	19/01/2017	
3	MUI TRAU TUNNEL	IN2016-ENG-BV-FAC.003	01/05/2016	01/08/2017	
4	MARINE CARGO QS 2016	IN2016-MarC-BAOVIET-QS.008	01/01/2016	31/12/2016	
5	MARINE HULL QS 2016	IN2016-MarH-BAOVIET-QS.025	01/01/2016	31/12/2016	
6	Miscellaneous Accident Surplus RI Treaty 2016	IN2016-MIS-BAOVIET-1SP.001	01/01/2016	31/12/2016	
7	BV MOTOR PD XOL 2016	IN2016-MIS-BAOVIET-XOL.001	01/01/2016	31/12/2016	
8	P&I QS 2016. GARD _ BAO VIET	IN2016-P&I-BAO VIET-QS.001	20/02/2016	20/02/2017	
9	P&I QS 2016. LSSO _ BAO VIET	IN2016-P&I-BAO VIET-QS.002	20/02/2016	20/02/2017	
10	P&I QS 2016. WOE _ BAO VIET	IN2016-P&I-BAO VIET-QS.003	20/02/2016	20/02/2017	
11	P&I QS 2016. WOE _ BAO VIET(2.5%)	IN2016-P&I-BAO VIET-QS.004	20/02/2016	20/02/2017	
12	P&I QS 2016. SSM _ BAO VIET	IN2016-P&I-BAO VIET-QS.005	20/02/2016	20/02/2017	
13	PAR R/I - Thang Long Cement 2016	IN2016-PRO-BAOVIET-FAC.001	01/04/2016	31/03/2017	
14	PAR R/I - Vinacomin 2016	IN2016-PRO-BAOVIET-FAC.002	25/03/2016	24/03/2017	
15	FIR FAC R/I - NGHISON TPP 1	IN2016-PRO-BAOVIET-FAC.003	01/06/2016	30/09/2016	
16	FIRE Fac R/I - Mong Duong Thermal Power Plant 2016	IN2016-PRO-BAOVIET-FAC.004	01/06/2016	30/09/2016	
17	Fire Quota Share 2016	IN2016-PRO-BAOVIET-QS.001	01/01/2016	31/12/2016	
18	KRIC's Combined Marine XOL 2016 - Upstream Energy Section	OUT2016-ENY-XOL.002	01/01/2016	31/12/2016	
19	HYOSUNG DN-VTC8&NVVTC3	OUT2016-ENG-FAC.006	28/03/2016	31/10/2016	
20	HYOSUNG VP1	OUT2016-ENG-FAC.009	11/04/2016	30/10/2016	
21	HYOSUNG VSC5	OUT2016-ENG-FAC.011	01/05/2016	30/09/2016	
22	KRIC'S MARINE CARGO XOL 2016 (domestic)	OUT2016-MarC-XOL.004	01/01/2016	31/12/2016	
23	KRIC'S COMBINED MARINE XOL 2016 (domestic)	OUT2016-MarC-XOL.005	01/01/2016	31/12/2016	

24	KRIC'S MARINE XOL 2016 (overseas)	OUT2016-MarC-XOL.006	01/04/2016	31/03/2017	
25	KRIC'S MARINE HULL SURPLUS 2016	OUT2016-MarH-ISP.007	01/01/2016	31/12/2016	
26	KRIC'S MARINE HULL XOL 2016	OUT2016-MarH-XOL.006	01/01/2016	31/12/2016	
27	Korean Re's Personal Accident QS Treaty 2016	OUT2016-MIS-QS.002a	01/01/2016	31/12/2016	
28	P&I QS Retrocession 2016	OUT2016-P&I-TTY.020	20/02/2016	20/02/2017	
29	PAR Fac- Dorco Vina	OUT2016-PRO-FAC.005	15/01/2016	15/01/2017	
30	PAR FAC - Dream Tech Vietnam 2016	OUT2016-PRO-FAC.006	23/01/2016	23/01/2017	
31	PAR Fac - Dong Yang 2016	OUT2016-PRO-FAC.007	07/01/2016	07/01/2017	
32	PAR Fac - Wonjin Vina 2016	OUT2016-PRO-FAC.008	08/01/2016	08/01/2017	
33	PAR Fac Vietnam Samho	OUT2016-PRO-FAC.009	02/03/2016	02/03/2017	
34	PAR Fac- Sung Shin A	OUT2016-PRO-FAC.011	01/03/2016	01/03/2017	
35	PAR Fac - Sung Shin Vietnam	OUT2016-PRO-FAC.012	01/03/2016	01/03/2017	
36	PAR Fac - Nanyang Delta	OUT2016-PRO-FAC.017	08/03/2016	08/03/2017	
37	PAR Fac - NRK VN	OUT2016-PRO-FAC.018	22/03/2016	22/03/2017	
38	PAR Fac - Daewon Chemical Vina 2016	OUT2016-PRO-FAC.019	13/03/2016	13/03/2017	
39	Hyosung Vietnam (Steel Cord)	OUT2016-PRO-FAC.020	04/04/2016	04/04/2017	
40	PAR FAC R/I - Hyosung Vietnam (Tire Cord) 2016	OUT2016-PRO-FAC.021	04/04/2016	04/04/2017	
41	PAR Fac- Haesung Vina	OUT2016-PRO-FAC.022	24/03/2016	24/03/2017	
42	PAR Fac - Jang Won Tech Vina Co.,Ltd	OUT2016-PRO-FAC.025	01/04/2016	01/04/2017	
43	PAR Fac - Hantex Vina Co.,Ltd	OUT2016-PRO-FAC.026	25/04/2016	25/04/2017	
44	PAR Fac - Hyundai Aluminum Vina	OUT2016-PRO-FAC.027	25/05/2016	25/05/2017	
45	PAR Fac- Alutec Vina	OUT2016-PRO-FAC.029	25/05/2016	25/05/2017	
46	PAR Fac R/I - Hanoi Seowon Intech Co. 2016	OUT2016-PRO-FAC.032	25/06/2016	25/06/2017	
47	PAR/BI Fac - Nghi Son Cement 2016	OUT2016-PRO-FAC.033	01/01/2016	31/12/2016	
48	F&SP Fac R/I - Son La HPP 2016	OUT2016-PRO-FAC.037	01/06/2016	30/09/2016	
49	Korean Re - Property & Engineering Risk XOL	OUT2016-PRO-TTY.019	01/04/2016	31/03/2017	
50	Korean Re - Property & Engineering Event XOL	OUT2016-PRO-TTY.020	01/04/2016	31/03/2017	
51	Korean Re - Non Marine Event XOL 2016 - Layer 1_30M vs 60M	OUT2016-PRO-TTY.021	01/04/2016	31/03/2017	
52	Korean Re - Non Marine Event XOL 2016 - Layer 2_20M vs 90M	OUT2016-PRO-TTY.022	01/04/2016	31/03/2017	
53	Korean Re - Non Marine Event XOL 2016 - Layer 3_30M vs 110M	OUT2016-PRO-TTY.023	01/04/2016	31/03/2017	
54	Korean Re - Non Marine Event XOL 2016 - Layer 4_70M vs 140M	OUT2016-PRO-TTY.024	01/04/2016	31/03/2017	
55	Korean Re - Non Marine Event XOL 2016 - Layer 1_via BRM	OUT2016-PRO-TTY.025	01/04/2016	31/03/2017	
56	Korean Re - Non Marine Event XOL 2016 - Layer 2_via BRM	OUT2016-PRO-TTY.026	01/04/2016	31/03/2017	
57	Korean Re - Non Marine Event XOL 2016 - Layer 1_via UIB	OUT2016-PRO-TTY.027	01/04/2016	31/03/2017	
58	Korean Re - Non Marine Event XOL 2016 - Layer 2_via UIB	OUT2016-PRO-TTY.028	01/04/2016	31/03/2017	
59	Korean Re - Priority QS & Surplus Treaty 2016 to BV	OUT2016-PRO-TTY.030	01/01/2016	31/12/2016	
60	Korean Re - First QS & Surplus Treaty 2016 to BV	OUT2016-PRO-TTY.031	01/01/2016	31/12/2016	
61	Korean Re -Special Surplus Treaty 2016 to BV	OUT2016-PRO-TTY.032	01/01/2016	31/12/2016	

62	Swiss Re Group Risk XOL Treaty 2016	OUT2016-PRO-XOL.018	01/01/2016	31/12/2016	
2	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	Cổ đông lớn	Số 27GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08/09/2004	Số 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh	Số 21/2015/QĐ-HĐQT
Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và Bảo Minh trong 6 tháng đầu năm 2016					
STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	BM Engineering R/I Non-Marine Surplus Treaty 2016	IN2016-ENG-BAOMINH-1SP.002	01/01/2016	31/12/2016	
2	BM Engineering R/I Quota share Treaty 2016	IN2016-ENG-BAOMINH-QS.001	01/01/2016	31/12/2016	
3	NGHI SON CEMENT 2016	IN2016-ENG-BM-FAC.001	01/01/2016	09/03/2016	
4	NGHI SON CEMENT 2016 E1	IN2016-ENG-BM-FAC.002	10/03/2016	31/12/2016	
5	MARINE CARGO QS 2016	IN2016-MarC-BAOMINH-QS.006	01/01/2016	31/12/2016	
6	MARINE HULL QS 2016	IN2016-MarH-BAOMINH-QS.024	01/01/2016	31/12/2016	
7	PINOT - VAN PHONG CONG CHUNG TRUNG TAM - 2016	IN2016-MIS-BAOMINH-FAC.001	01/04/2016	31/03/2017	
8	HIO - NORFOLK - HOLE 2,4,11,15 - 09/04/2016	IN2016-MIS-BAOMINH-FAC.002	09/04/2016	09/04/2016	
9	PPL - THIEN NAM LIFT - 2016	IN2016-MIS-BAOMINH-FAC.003	03/03/2016	02/03/2017	
10	PIDnO - SACOMBANK - 2016	IN2016-MIS-BAOMINH-FAC.004	07/04/2016	06/04/2017	
11	P&I QS 2016. WOE _ BAO MINH	IN2016-P&I-BAO MINH-QS.001	20/02/2016	20/02/2017	
12	P&I QS COVER 2016. WOE _ BAO MINH	IN2016-P&I-BAO MINH-QS.002	20/02/2016	20/02/2017	
13	P&I QS 2016. LSSO _ BAO MINH	IN2016-P&I-BAO MINH-QS.003	20/02/2016	20/02/2017	
14	P&I QS 2016. SOP _ BAO MINH	IN2016-P&I-BAO MINH-QS.004	20/02/2016	20/02/2017	
15	FIR FAC R/I - Ninh Bình Fertilizer 2016	IN2016-PRO-BAOMINH-FAC.002	01/04/2016	31/03/2017	
16	PAR/BI Fac R/I - Nghi Son Cement 2016	IN2016-PRO-BAOMINH-FAC.003	01/01/2016	31/12/2016	
17	KRIC's Combined Marine XOL 2016 - Upstream Energy Section	OUT2016-ENY-XOL.001	01/01/2016	31/12/2016	
18	VNR ENGINEERING R/T GOLDEN V TREATY 2016	OUT2016-ENG-GV.002	01/01/2016	31/12/2016	
19	MARINE CARGO QS RETROCESSION 2016 (BMI)	OUT2016-MarC-QS.002	01/01/2016	31/12/2016	
20	KRIC'S MARINE CARGO XOL 2016 (UIB)	OUT2016-MarC-XOL.002	01/01/2016	31/12/2016	
21	KRIC'S COMBINED MARINE XOL 2016 (UIB)	OUT2016-MarC-XOL.003	01/01/2016	31/12/2016	
22	MARINE HULL QS RETROCESSION 2016 (2.5)	OUT2016-MarH-QS.002	01/01/2016	31/12/2016	
23	KRIC'S MARINE HULL XOL 2016 (UIB)	OUT2016-MarH-XOL.007	01/01/2016	31/12/2016	
24	Motor Vehicle SPL Retro. Treaty 2016	OUT2016-MIS-1SP.002	01/01/2016	31/12/2016	
25	CASUALTY FACILITY 2016 - BAOMINH	OUT2016-MIS-FAC.001	01/01/2016	31/12/2016	
26	Korean Re's Personal Accident QS Treaty 2016	OUT2016-MIS-QS.002b	01/01/2016	31/12/2016	
27	P&I QS Retrocession 2016	OUT2016-P&I-TTY.022	20/02/2016	20/02/2017	
28	Property Facultative Facility - BM	OUT2016-PRO-FAC.003	01/01/2016	31/12/2016	

29	Korean Re - Priority QS & Surplus Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.004	01/01/2016	31/12/2016	
30	Korean Re - First QS & Surplus Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.005	01/01/2016	31/12/2016	
31	Korean Re - Special Surplus Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.006	01/01/2016	31/12/2016	
32	Korean Re - Non Marine Event XOL 2016 - Layer 1_30M vs 60M	OUT2016-PRO-TTY.021	01/04/2016	31/03/2017	
33	Korean Re - Non Marine Event XOL 2016 - Layer 2_20M vs 90M	OUT2016-PRO-TTY.022	01/04/2016	31/03/2017	
34	Korean Re - Non Marine Event XOL 2016 - Layer 3_30M vs 110M	OUT2016-PRO-TTY.023	01/04/2016	31/03/2017	
35	Korean Re - Non Marine Event XOL 2016 - Layer 4_70M vs 140M	OUT2016-PRO-TTY.024	01/04/2016	31/03/2017	
36	GIC-Risk-Cum-Cat XOL Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.029	01/06/2016	01/06/2017	
37	MNRB - Combined Non Marin XOL Treaty 2016-Layer I to III	OUT2016-PRO-TTY.041	01/04/2016	31/03/2017	
38	Swiss Re Group Risk XOL Treaty 2016	OUT2016-PRO-XOL.018	01/01/2016	31/12/2016	
3	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX (PJICO)	Bên có liên quan của người nội bộ	Số 67GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 26/10/2011	Tầng 21, 22 - Tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội	Số 21/2015/QĐ-HĐQT
Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và PJICO trong 6 tháng đầu năm 2016					
STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	47 NGUYEN TUAN HA NOI	IN2016-ENG-PJICO-FAC.001	26/01/2016	13/08/2018	
2	PJICO ENGINEERING QUOTA SHARE TREATY 2016	IN2016-ENG-PJICO-QS.001	01/01/2016	31/12/2016	
3	MARINE CARGO QS 2016	IN2016-MarC-PJICO-QS.012	01/01/2016	31/12/2016	
4	MARINE HULL QS 2016	IN2016-MarH-PJICO-QS.028	01/01/2016	31/12/2016	
5	Miscellaneous Accident Surplus RI Treaty 2016	IN2016-MIS-PJICO-ISP.001	01/01/2016	31/12/2016	
6	PJICO's HIO FACILITY 2016	IN2016-MIS-PJICO-FAC.001	01/01/2016	31/12/2016	
7	MONEY - VIETCOMBANK - 2016	IN2016-MIS-PJICO-FAC.002	31/01/2016	31/01/2017	
8	PAI - AON VN - 2016	IN2016-MIS-PJICO-FAC.003	01/01/2016	31/12/2016	
9	MONEY - VP BANK - 2016	IN2016-MIS-PJICO-FAC.004	01/03/2016	28/02/2017	
10	PA - CASTROL BP PETCO LTD - 2016	IN2016-MIS-PJICO-FAC.006	01/01/2016	31/12/2016	
11	PJICO MOTOR PD CAT XOL 2016	IN2016-MIS-PJICO-XOL.001	01/01/2016	31/12/2016	
12	P&I QS 2016. LSSO _ PJICO	IN2016-P&I-PJICO-QS.001	20/02/2016	20/02/2017	
13	P&I QS 2016. WOE _ PJICO	IN2016-P&I-PJICO-QS.002	20/02/2016	20/02/2017	
14	P&I QS COVER 2016. WOE _ PJICO	IN2016-P&I-PJICO-QS.003	20/02/2016	20/02/2017	
15	P&I QS 2016. WOE _ PJICO_AU LAC FLEET	IN2016-P&I-PJICO-QS.004	20/02/2016	20/02/2017	
16	P&I QS COVER 2016. WOE _ PJICO_AU LAC FLEET	IN2016-P&I-PJICO-QS.005	20/02/2016	20/02/2017	
17	PAR FAC R/I - Trang suc GL 2016	IN2016-PRO-PJICO-FAC.001	01/01/2016	31/12/2016	
18	PAR/BI FAC R/I - Vinpearl Nha Trang Dam Gia 2016	IN2016-PRO-PJICO-FAC.002	25/01/2016	24/01/2017	
19	Fire Quota Share 2016	IN2016-PRO-PJICO-QS.001	01/01/2016	31/12/2016	
20	KRIC's Combined Marine XOL 2016 - Upstream Energy Section	OUT2016-ENY-XOL.001	01/01/2016	31/12/2016	

21	TTCNTT AGRIBANK 2016	OUT2016-ENG-FAC.010	15/01/2016	30/06/2016	
22	VNR ENGINEERING R/T GOLDEN V TREATY 2016	OUT2016-ENG-GV.002	01/01/2016	31/12/2016	
23	MARINE CARGO QS RETROCESSION 2016 (PJICO)	OUT2016-MarC-QS.001	01/01/2016	31/12/2016	
24	KRIC'S MARINE CARGO XOL 2016 (UIB)	OUT2016-MarC-XOL.002	01/01/2016	31/12/2016	
25	KRIC'S COMBINED MARINE XOL 2016 (UIB)	OUT2016-MarC-XOL.003	01/01/2016	31/12/2016	
26	MARINE HULL QS RETROCESSION 2016 (1.7)	OUT2016-MarH-QS.003	01/01/2016	31/12/2016	
27	KRIC'S MARINE HULL XOL 2016 (UIB)	OUT2016-MarH-XOL.007	01/01/2016	31/12/2016	
28	CASUALTY FACILITY 2016 - PJICO	OUT2016-MIS-FAC.005	01/01/2016	31/12/2016	
29	Korean Re's Personal Accident QS Treaty 2016	OUT2016-MIS-QS.002b	01/01/2016	31/12/2016	
30	P&I QS Retrocession 2016	OUT2016-P&I-TTY.022	20/02/2016	20/02/2017	
31	PAR Fac- Dorco Vina	OUT2016-PRO-FAC.005	15/01/2016	15/01/2017	
32	PAR FAC - Dream Tech Vietnam 2016	OUT2016-PRO-FAC.006	23/01/2016	23/01/2017	
33	PAR Fac - Dong Yang 2016	OUT2016-PRO-FAC.007	07/01/2016	07/01/2017	
34	PAR Fac - NRK VN	OUT2016-PRO-FAC.018	22/03/2016	22/03/2017	
35	Hyosung Vietnam (Steel Cord)	OUT2016-PRO-FAC.020	04/04/2016	04/04/2017	
36	PAR Fac- Haesung Vina	OUT2016-PRO-FAC.022	24/03/2016	24/03/2017	
37	PAR Fac - Hyundai Aluminum Vina	OUT2016-PRO-FAC.027	25/05/2016	25/05/2017	
38	PAR Fac R/I - Hanoi Seowon Intech Co. 2016	OUT2016-PRO-FAC.032	25/06/2016	25/06/2017	
39	Sirius's Benelux Catastrophe Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.008	01/01/2016	31/12/2016	
40	Sirius's French Property Catastrophe Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.010	01/01/2016	31/12/2016	
41	Sirius's German Property Catastrophe Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.011	01/01/2016	31/12/2016	
42	Sirius's Latin American Catastrophe XOL QS 2016	OUT2016-PRO-TTY.012	01/01/2016	31/12/2016	
43	Sirius's Mediterranean Property Catastrophe QS 2016	OUT2016-PRO-TTY.013	01/01/2016	31/12/2016	
44	Sirius's Northeast United States Property Cat QS 2016	OUT2016-PRO-TTY.014	01/01/2016	31/12/2016	
45	Sirius's UK/Ireland Catastrophe Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.016	01/01/2016	31/12/2016	
46	Sirius's USA CAT Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.017	01/01/2016	31/12/2016	
47	GIC CAT XOL 2016	OUT2016-PRO-TTY.033	01/06/2016	31/05/2017	
48	MNRB - Combined Non Marin XOL Treaty 2016-Layer I to III	OUT2016-PRO-TTY.041	01/04/2016	31/03/2017	
49	Swiss Re Group Risk XOL Treaty 2016	OUT2016-PRO-XOL.018	01/01/2016	31/12/2016	
4	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	Bên có liên quan của người nội bộ	11GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10/4/2006	Tầng 16, tháp A, toà nhà VINCOM, số 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Số 21/2015/QĐ-HĐQT
Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và BIC trong 6 tháng đầu năm 2016					
STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	

1	BIC Engineering R/I 1st Surplus Treaty 2016	IN2016-ENG-BIC-1SP.001	01/01/2016	31/12/2016	
2	BIC Engineering R/I 2nd Surplus Treaty 2016	IN2016-ENG-BIC-2SP.002	01/01/2016	31/12/2016	
3	Ngoi Phat HPP CECR 2015	IN2016-ENG-BIC-FAC.001	01/01/2016	01/01/2017	
4	MARINE CARGO QS 2016	IN2016-MarC-BIC-QS.009	01/01/2016	31/12/2016	
5	MARINE HULL QS 2016	IN2016-MarH-BIC-QS.026	01/01/2016	31/12/2016	
6	Miscellaneous Accident Surplus RI Treaty 2016	IN2016-MIS-BIC-1SP.001	01/01/2016	31/12/2016	
7	P&I QS 2016. WOE _ BIC	IN2016-P&I-BIC-QS.001	20/02/2016	20/02/2017	
8	P&I QS COVER 2016. WOE _ BIC	IN2016-P&I-BIC-QS.002	20/02/2016	20/02/2017	
9	Fire Surplus Treaty 2016	IN2016-PRO-BIC-1SP.001	01/01/2016	31/12/2016	
10	BIC Fire 2nd Surplus Treaty 2016	IN2016-PRO-BIC-2SP.004	01/01/2016	31/12/2016	
11	Savan Vegas & Casino 2016	IN2016-PRO-BIC-FAC.001	11/02/2016	10/02/2017	
12	NGHI SON CEMENT 2016	OUT2016-ENG-FAC.004	01/01/2016	09/03/2016	
13	NGHI SON CEMENT 2016 E1	OUT2016-ENG-FAC.008	10/03/2016	31/12/2016	
14	HYOSUNG VSC5	OUT2016-ENG-FAC.011	01/05/2016	30/09/2016	
15	VNR ENGINEERING R/T GOLDEN V TREATY 2016	OUT2016-ENG-GV.002	01/01/2016	31/12/2016	
16	CASUALTY FACILITY 2016 - BIC	OUT2016-MIS-FAC.002	01/01/2016	31/12/2016	
17	Korean Re's Personal Accident QS Treaty 2016	OUT2016-MIS-QS.002c	01/01/2016	31/12/2016	
18	Property Facultative Facility - BIC	OUT2016-PRO-FAC.002	01/01/2016	31/12/2016	
19	FIRE FAC R/I - Uong Bi TPP Ext.2 2016	OUT2016-PRO-FAC.016	01/01/2016	31/05/2016	
20	Fire Fac R/I - EVN Tower 2016	OUT2016-PRO-FAC.036	01/06/2016	30/09/2016	
21	F&SP Fac R/I - Son La HPP 2016	OUT2016-PRO-FAC.037	01/06/2016	30/09/2016	
22	FIRE Fac R/I - Uong Bi TPP Ext.2 2016	OUT2016-PRO-FAC.038	01/06/2016	30/09/2016	
23	Korean Re - Priority QS & Surplus Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.004	01/01/2016	31/12/2016	
24	Korean Re - First QS & Surplus Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.005	01/01/2016	31/12/2016	
25	Korean Re - Special Surplus Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.006	01/01/2016	31/12/2016	
26	Sirius's Benelux Catastrophe Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.008	01/01/2016	31/12/2016	
27	Sirius's French Property Catastrophe Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.010	01/01/2016	31/12/2016	
28	Sirius's German Property Catastrophe Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.011	01/01/2016	31/12/2016	
29	Sirius's Latin American Catastrophe XOL QS 2016	OUT2016-PRO-TTY.012	01/01/2016	31/12/2016	
30	Sirius's Mediterranean Property Catastrophe QS 2016	OUT2016-PRO-TTY.013	01/01/2016	31/12/2016	
31	Sirius's Northeast United States Property Cat QS 2016	OUT2016-PRO-TTY.014	01/01/2016	31/12/2016	
32	Sirius's UK/Ireland Catastrophe Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.016	01/01/2016	31/12/2016	
33	MNRB - Combined Non Marin XOL Treaty 2016-Layer I to III	OUT2016-PRO-TTY.041	01/04/2016	31/03/2017	
34	Swiss Re Group Risk XOL Treaty 2016	OUT2016-PRO-XOL.018	01/01/2016	31/12/2016	

5	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Bên có liên quan của người nội bộ	Số 41A/GP/KDBH ngày 01/02/2007	Tầng 8, Số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Số 21/2015/QĐ-HDQT
Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và PTI trong 6 tháng đầu năm 2016					
STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	PTI ENGINEERING QUOTA SHARE TREATY 2016	IN2016-ENG-PTI-QS.001	01/01/2016	31/12/2016	
2	MARINE CARGO QS 2016	IN2016-MarC-PTI-QS.013	01/01/2016	31/12/2016	
3	MARINE HULL QS 2016	IN2016-MarH-PTI-QS.029	01/01/2016	31/12/2016	
4	MOT - TAP DOAN VINGROUP 30A-68868/69669-2016	IN2016-MIS-PTI-FAC.001	12/02/2016	12/02/2017	
5	MOT - NGUYEN QUOC THANH MB 30E-26899-2016	IN2016-MIS-PTI-FAC.002	04/02/2016	04/02/2017	
6	MOT - VIN GROUP 30E-33939 - 2016	IN2016-MIS-PTI-FAC.003	15/01/2016	15/01/2017	
7	MOT - QUAN LY DUONG HAM SG 50A-00677	IN2016-MIS-PTI-FAC.004	27/04/2016	27/04/2017	
8	P&I QS 2016. WOE _ PTI	IN2016-P&I-PTI-QS.001	20/02/2016	20/02/2017	
9	P&I QS COVER 2016. WOE _ PTI	IN2016-P&I-PTI-QS.002	20/02/2016	20/02/2017	
10	P&I QS COVER 2016. SOP _ PTI_VSICO	IN2016-P&I-PTI-QS.003	20/02/2016	20/02/2017	
11	P&I QS 2016. SOP _ PTI	IN2016-P&I-PTI-QS.004	20/02/2016		
12	P&I QS COVER 2016. SOP _ PTI	IN2016-P&I-PTI-QS.005	20/02/2016		
13	Fire & SP - Hai Van Tunnel 2016	IN2016-PRO-PTI-FAC.001	03/02/2016	02/02/2017	
14	Fire Quota Share 2016	IN2016-PRO-PTI-QS.001	01/01/2016	31/12/2016	
15	NGHI SON CEMENT 2016	OUT2016-ENG-FAC.004	01/01/2016	09/03/2016	
16	HYOSUNG DN-VTC8&NVTC3	OUT2016-ENG-FAC.006	28/03/2016	31/10/2016	
17	NGHI SON CEMENT 2016 E1	OUT2016-ENG-FAC.008	10/03/2016	31/12/2016	
18	TTCNTT AGRIBANK 2016	OUT2016-ENG-FAC.010	15/01/2016	30/06/2016	
19	VNR ENGINEERING R/T GOLDEN V TREATY 2016	OUT2016-ENG-GV.002	01/01/2016	31/12/2016	
20	MARINE CARGO QS RETROCESSION 2016 (PTI)	OUT2016-MarC-QS.003	01/01/2016	31/12/2016	
21	MARINE HULL QS RETROCESSION 2016 (PTI)	OUT2016-MarH-QS.004	01/01/2016	31/12/2016	
22	CASUALTY FACILITY 2016 - PTI	OUT2016-MIS-FAC.006	01/01/2016	31/12/2016	
23	Korean Re's Personal Accident QS Treaty 2016	OUT2016-MIS-QS.002c	01/01/2016	31/12/2016	
24	P&I QS Retrocession 2016	OUT2016-P&I-TTY.023	20/02/2016	20/02/2017	
25	Property Facultative Facility - PTI	OUT2016-PRO-FAC.004	01/01/2016	31/12/2016	
26	Korean Re - Priority QS & Surplus Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.004	01/01/2016	31/12/2016	
27	Korean Re - First QS & Surplus Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.005	01/01/2016	31/12/2016	
28	Korean Re - Special Surplus Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.006	01/01/2016	31/12/2016	
29	Sirius's Benelux Catastrophe Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.008	01/01/2016	31/12/2016	
30	Sirius's French Property Catastrophe Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.010	01/01/2016	31/12/2016	
31	Sirius's German Property Catastrophe Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.011	01/01/2016	31/12/2016	
32	Sirius's Latin American Catastrophe XOL QS 2016	OUT2016-PRO-TTY.012	01/01/2016	31/12/2016	

33	Sirius's Mediterranean Property Catastrophe QS 2016	OUT2016-PRO-TTY.013	01/01/2016	31/12/2016	
34	Sirius's Northeast United States Property Cat QS 2016	OUT2016-PRO-TTY.014	01/01/2016	31/12/2016	
35	Sirius's UK/Ireland Catastrophe Quota Share Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.016	01/01/2016	31/12/2016	
36	GIC CAT XOL 2016	OUT2016-PRO-TTY.033	01/06/2016	31/05/2017	
37	MNRB - Combined Non Marin XOL Treaty 2016-Layer I to III	OUT2016-PRO-TTY.041	01/04/2016	31/03/2017	
38	Swiss Re Group Risk XOL Treaty 2016	OUT2016-PRO-XOL.018	01/01/2016	31/12/2016	
6	Công ty bảo hiểm Samsung Vina (SVI)	Bên có liên quan của người nội bộ	Giấy phép đầu tư: Số 70/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp 17/01/2014	Tầng 45, Tòa nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Số 21/2015/QĐ-HĐQT
Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và SVI trong 6 tháng đầu năm 2016					
STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	SVI ENGINEERING 1ST SURPLUS TREATY 2016	IN2016-ENG-SVI-1SP.001	01/01/2016	31/12/2016	
2	HYOSUNG DN NYLON FACTORY	IN2016-ENG-SVI-FAC.002	17/01/2016	31/07/2017	
3	HYOSUNG DONG NAI-VTC8&NVTC3	IN2016-ENG-SVI-FAC.003	28/03/2016	31/10/2016	
4	SEVT 3D GLASS 2M	IN2016-ENG-SVI-FAC.004	15/03/2016	10/08/2016	
5	HYOSUNG VP1	IN2016-ENG-SVI-FAC.005	11/04/2016	30/10/2016	
6	VRGDONGWHA MDF	IN2016-ENG-SVI-FAC.006	04/06/2016	04/03/2018	
7	HYOSUNG VSC5	IN2016-ENG-SVI-FAC.007	01/05/2016	30/09/2016	
8	FAC. COVER FOR SEV - NO. 401639038	IN2016-MarC-SVI-FAC.001	20/04/2016	20/04/2017	
9	FAC. COVER FOR SEV - NO. 401639035	IN2016-MarC-SVI-FAC.002	20/04/2016	20/04/2017	
10	FAC. COVER FOR SEV - NO. 401639037	IN2016-MarC-SVI-FAC.003	20/04/2016	20/04/2017	
11	FAC. COVER FOR SEV - NO. 401639036	IN2016-MarC-SVI-FAC.004	20/04/2016	20/04/2017	
12	MARINE CARGO QS 2016	IN2016-MarC-SVI-QS.015	01/01/2016	31/12/2016	
13	Miscellaneous Accident Surplus RI Treaty 2016	IN2016-MIS-SVI-1SP.001	01/01/2016	31/12/2016	
14	MOTOR - SAMSUNG ELECTRONIC 20LD-00096-2016	IN2016-MIS-SVI-FAC.001	01/01/2016	01/01/2017	
15	MOTOR - SAMSUNG ELECTRONIC 20LD-00086-2016	IN2016-MIS-SVI-FAC.002	01/01/2016	01/01/2017	
16	MOTOR - UNISOLL 71LD-00040-2016	IN2016-MIS-SVI-FAC.003	14/01/2016	14/01/2017	
17	BBB - SHINHAN BANK - BAC NINH - 2016	IN2016-MIS-SVI-FAC.004	02/01/2016	02/01/2017	
18	PA - SHINHAN BANK - 2016	IN2016-MIS-SVI-FAC.005	14/01/2016	14/01/2017	
19	BBB - IBK - HCM - 2016	IN2016-MIS-SVI-FAC.006	13/03/2016	13/03/2017	
20	BBB - SHINHAN BANK - AN DONG - 2016	IN2016-MIS-SVI-FAC.007	18/03/2016	14/12/2016	
21	BBB - WOORI BANK - HCM BRANCH - 2016	IN2016-MIS-SVI-FAC.008	24/02/2016	24/02/2017	
22	MOT - GLOBAL DYEING 60LD-00196-2016	IN2016-MIS-SVI-FAC.009	16/02/2016	04/08/2016	
23	MOT - SAMSUNG ELECTRONIC 20LD-00123-2016	IN2016-MIS-SVI-FAC.010	20/02/2016	01/01/2017	
24	MOT - KOTOP VINA 60LD-00682-2016	IN2016-MIS-SVI-FAC.011	09/04/2016	09/04/2017	

25	PA-WC QS R/I TREATY 2016	IN2016-MIS-SVI-QS.001	01/01/2016	31/12/2016	
26	SVI MOTOR QS RI TREATY 2016	IN2016-MIS-SVI-QS.002	01/01/2016	31/12/2016	
27	PAR Fac- Dorco Vina	IN2016-PRO-SVI-FAC.002	15/01/2016	15/01/2017	
28	PAR Fac - Vina Sunwoo 2016	IN2016-PRO-SVI-FAC.003	01/01/2016	01/01/2017	
29	PAR FAC - Dream Tech Vietnam	IN2016-PRO-SVI-FAC.004	23/01/2016	23/01/2017	
30	PAR Fac - Dong Yang E&P 2016	IN2016-PRO-SVI-FAC.005	07/01/2016	07/01/2017	
31	PAR Fac - Wonjin Vina 2016	IN2016-PRO-SVI-FAC.006	08/01/2016	08/01/2017	
32	PAR Fac - Wisol Hanoi	IN2016-PRO-SVI-FAC.007	26/02/2016	26/02/2017	
33	PAR Fac - Hanoi Doosung Tech	IN2016-PRO-SVI-FAC.008	23/02/2016	23/02/2017	
34	PAR Fac - Unisoll Vina	IN2016-PRO-SVI-FAC.009	03/02/2016	21/03/2016	
35	PAR Fac - BH VINA	IN2016-PRO-SVI-FAC.010	14/02/2016	14/02/2017	
36	PAR Fac - Sung Shin A	IN2016-PRO-SVI-FAC.011	01/03/2016	01/03/2017	
37	PAR Fac - Sung Shin Vietnam	IN2016-PRO-SVI-FAC.012	01/03/2016	01/03/2017	
38	PAR Fac - Boomin Vina	IN2016-PRO-SVI-FAC.013	07/03/2016	07/03/2017	
39	PAR Fac - Namyang Delta	IN2016-PRO-SVI-FAC.014	08/03/2016	08/03/2017	
40	PAR Fac - Vietnam Samho	IN2016-PRO-SVI-FAC.015	02/03/2016	02/03/2017	
41	PAR Fac- Buwon Vina	IN2016-PRO-SVI-FAC.016	12/03/2016	12/03/2017	
42	PAR Fac- Panko Vina- New Factory	IN2016-PRO-SVI-FAC.017	11/03/2016	11/03/2017	
43	PAR Fac- Elentec- CNC workshop	IN2016-PRO-SVI-FAC.018	11/03/2016	11/03/2017	
44	PAR Fac- Wooree Vina	IN2016-PRO-SVI-FAC.019	04/03/2016	04/03/2017	
45	PAR Fac- Apparel Tech	IN2016-PRO-SVI-FAC.020	11/03/2016	11/03/2017	
46	PAR Fac - Sanju Vina	IN2016-PRO-SVI-FAC.021	24/03/2016	24/03/2017	
47	PAR Fac - NRK VN	IN2016-PRO-SVI-FAC.022	22/03/2016	22/03/2017	
48	PAR Fac - Daewon Chemical Vina 2016	IN2016-PRO-SVI-FAC.023	13/03/2016	13/03/2017	
49	PAR FAC R/I - Hyosung Vietnam (Steel Cord) 2015	IN2016-PRO-SVI-FAC.024	04/04/2016	21/02/2017	
50	PAR/BI FAC R/I - Hyosung Vietnam (Tire Cord) 2016	IN2016-PRO-SVI-FAC.025	04/04/2016	04/04/2017	
51	PAR Fac- Haesung Vina	IN2016-PRO-SVI-FAC.026	24/03/2016	24/03/2017	
52	PAR Fac - Intops Vietnam Co.,Ltd 2016	IN2016-PRO-SVI-FAC.027	01/04/2016	01/04/2017	
53	PAR Fac- BSE Hai Duong	IN2016-PRO-SVI-FAC.028	10/04/2016	10/04/2017	
54	PAR Fac - Jang Won Tech Vina Co.,Ltd	IN2016-PRO-SVI-FAC.029	01/04/2016	01/04/2017	
55	PAR Fac- Unisoll- Factory 3- Endt 1	IN2016-PRO-SVI-FAC.030	22/03/2016	03/02/2017	
56	PAR Fac- Unisoll Factory 1, 2	IN2016-PRO-SVI-FAC.031	29/03/2016	03/02/2017	
57	PAR Fac - Hantex Vina Co.,Ltd	IN2016-PRO-SVI-FAC.032	25/04/2016	25/04/2017	
58	PAR Fac- Hyundai Aluminum Vina-2016	IN2016-PRO-SVI-FAC.033	25/05/2016	25/05/2017	
59	PAR Fac- HW Industrial	IN2016-PRO-SVI-FAC.034	24/05/2016	24/05/2017	
60	PAR Fac- RF Tech Thai Nguyen	IN2016-PRO-SVI-FAC.035	01/05/2016	01/05/2017	
61	PAR Fac- Wondo Vina	IN2016-PRO-SVI-FAC.036	26/05/2016	26/05/2017	
62	PAR Fac- Simone Long An	IN2016-PRO-SVI-FAC.037	01/05/2016	01/05/2017	

63	PAR Fac- Alutec Vina	IN2016-PRO-SVI-FAC.038	25/05/2016	25/05/2017	
64	PAR Fac - YP Long An Co.,Ltd	IN2016-PRO-SVI-FAC.039	09/06/2016	09/06/2017	
65	PAR FAC R/I - Hanoi Seowon Intech	IN2016-PRO-SVI-FAC.040	25/06/2016	25/06/2017	
66	PAR Fac- SJ Tech Vietnam	IN2016-PRO-SVI-FAC.041	30/05/2016	30/05/2017	
67	PAR Fac- Fine Ms Vina	IN2016-PRO-SVI-FAC.042	09/06/2016	09/06/2017	
68	PAR Fac- Youngbo Vina	IN2016-PRO-SVI-FAC.043	12/06/2016	12/06/2017	
69	Fire Surplus Treaty 2016	IN2016-PRO-SVI-SPL.001	01/01/2016	31/12/2016	
7	Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Toàn cầu (GIC)	Bên có liên quan của người nội bộ	37GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 19/6/2006	Tầng 16, Tòa nhà Nam Á. Số 201-203 Cách mạng Tháng 8, phường 4, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	Số 21/2015/QĐ-HĐQT

Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và GIC trong 6 tháng đầu năm 2016

STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	GIC ENGINEERING 1ST SURPLUS TREATY 2016	IN2016-ENG-GIC-1SP.001	01/01/2016	31/12/2016	
2	SONG TRANH 2	IN2016-ENG-GIC-FAC.001	01/01/2016	31/12/2016	
3	GIC'S MARINE CARGO SURPLUS 2016	IN2016-MarC-GIC-1SP.002	01/01/2016	31/12/2016	
4	GIC'S MARINE HULL SURPLUS 2016	IN2016-MarH-GIC-1SP.021	01/01/2016	31/12/2016	
5	FAC. COVER FOR QN 7266	IN2016-MarH-GIC-FAC.001	24/04/2016	24/04/2017	
6	FAC. COVER FOR VESSEL HON NET 01	IN2016-MarH-GIC-FAC.005	01/01/2016	31/12/2016	
7	Miscellaneous Accident Surplus RI Treaty 2016	IN2016-MIS-GIC-1SP.001	01/01/2016	31/12/2016	
8	P&I QS 2016. LSSO _ GIC	IN2016-P&I-GIC-QS.001	20/02/2016	20/02/2017	
9	P&I QS COVER 2016. LSSO _ GIC	IN2016-P&I-GIC-QS.002	20/02/2016	20/02/2017	
10	P&I QS 2016. WOE _ GIC	IN2016-P&I-GIC-QS.003	20/02/2016	20/02/2017	
11	P&I QS COVER 2016. WOE _ GIC	IN2016-P&I-GIC-QS.004	20/02/2016	20/02/2017	
12	FIRE/BI FAC - Phu My Thermal Power Plant 2016	IN2016-PRO-GIC-FAC.001	01/01/2016	30/09/2016	
13	FIR FAC R/I - Sesan 3 HPP 2016 - extend 5 months	IN2016-PRO-GIC-FAC.002	01/01/2016	31/05/2016	
14	Fire & SP - Hai Van Tunnel 2016	IN2016-PRO-GIC-FAC.003	03/02/2016	02/02/2017	
15	FIRE FAC R/I - Uong Bi Ext.1 TPP 2016	IN2016-PRO-GIC-FAC.004	01/01/2016	31/05/2016	
16	FIRE FAC R/I - Uong Bi TPP Ext.2 2016	IN2016-PRO-GIC-FAC.005	01/01/2016	31/05/2016	
17	PAR/BI - Ngon Coffee 2016	IN2016-PRO-GIC-FAC.006	07/06/2016	06/06/2017	
18	FIRE Fac R/I - EVN Tower 2016	IN2016-PRO-GIC-FAC.007	01/06/2016	30/09/2016	
19	F&SP Fac R/I - Son La HPP 2016	IN2016-PRO-GIC-FAC.008	01/06/2016	30/09/2016	
20	FIRE Fac R/I - Uong Bi TPP Ext2 2016	IN2016-PRO-GIC-FAC.009	01/06/2016	30/09/2016	
21	Fire Surplus Treaty 2016	IN2016-PRO-GIC-SPL.001	01/01/2016	31/12/2016	

22	VNR ENGINEERING RT GOLDEN V TREATY 2016	OUT2016-ENG-GV.002	01/01/2016	31/12/2016	
23	CASUALTY FACILITY 2016 - GIC	OUT2016-MIS-FAC.004	01/01/2016	31/12/2016	
24	P&I QS Retrocession 2016	OUT2016-P&I-TTY.023	20/02/2016	20/02/2017	
25	Swiss Re Group Risk XOL Treaty 2016	OUT2016-PRO-XOL.018	01/01/2016	31/12/2016	
8	Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC)	Bên có liên quan của người nội bộ	38GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/10/2006	Tầng 16, Tòa nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Số 21/2015/QĐ-HĐQT
Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và ABIC trong 6 tháng đầu năm 2016					
STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	ABIC Engineering R/I 1st Surplus Treaty 2016	IN2016-ENG-ABIC-1SP.001	01/01/2016	31/12/2016	
2	SONG MA 3 HPP	IN2016-ENG-ABIC-FAC.002	22/03/2016	31/12/2018	
3	PHONG DIEN BINH THUAN 2016	IN2016-ENG-ABIC-FAC.004	01/01/2016	31/12/2016	
4	Bac Ha HPP - CECR - 2016	IN2016-ENG-ABIC-FAC.005	01/04/2016	01/04/2017	
5	TT CNTT AGRIBANK 2016	IN2016-ENG-ABIC-FAC.006	15/01/2016	30/06/2016	
6	Miscellaneous Accident Surplus RI Treaty 2016	IN2016-MIS-ABIC-1SP.001	01/01/2016	31/12/2016	
7	ABIC MOTOR PD SPL RI TREATY 2016	IN2016-MIS-ABIC-1SP.002	01/01/2016	31/12/2016	
8	MONEY - TTDVNQ & TTDVNQMN - 2016	IN2016-MIS-ABIC-FAC.001	01/01/2016	31/12/2016	
9	Bac Ha HPP 2016 - Fire Section	IN2016-PRO-ABIC-FAC.001	01/04/2016	01/04/2017	
10	Bac Ha HPP 2016 - PAR section	IN2016-PRO-ABIC-FAC.002	01/04/2016	01/04/2017	
11	PAR Fac R/I - Xi mang Fico Tay Ninh 2016	IN2016-PRO-ABIC-FAC.003	01/01/2016	31/12/2016	
12	Fire Surplus Treaty 2016	IN2016-PRO-ABIC-SPL.001	01/01/2016	31/12/2016	
9	Swiss Re	Cổ đông lớn		Mythenquai 50/60, 8022 Zurich, Switzerland	Số 21/2015/QĐ-HĐQT
Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và Swiss Re trong 6 tháng đầu năm 2016					
STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	NON-MARINE SURPLUS RETRO. TREATY 2016 - ENGINEERING SECTION	OUT2016-ENG-1SP.003			
2	Engineering Cat XoL 2016	OUT2016-ENG-XOL.001			
3	Non-Marine Surplus Retro. Treaty 2016 - Misc Section	OUT2016-MIS-1SP.001			

4	Property Facultative Facility -Swissre	OUT2016-PRO-FAC.001			
5	Fire & BI Fac - Phu My Thermal Power Plant 2016	OUT2016-PRO-FAC.010			
6	FIRE FAC R/I - Uong Bi TPP Ext.2 2016	OUT2016-PRO-FAC.016			
7	FIRE Fac R/I - Uong Bi TPP Ext.2 2016	OUT2016-PRO-FAC.038			
8	Fire & Engineering CAT XOL Treaty 2016	OUT2016-PRO-TTY.001			
9	Non-Marine 2nd Surplus Retro. Treaty 2016 - Property Section	OUT2016-PRO-TTY.002			
10	Fire Quota Share on Retention 2016	OUT2016-PRO-TTY.003			

TÊN CÔNG TY: Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt N
MÃ CHỨNG KHOÁN: VNR

(Thông tin cổ đông thống kê tại ngày chốt danh sách 24/6/2016)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC UQCBBT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	Giới tính	Loại cổ đông	Số CMT/HC của CDNB	Quan hệ với CDNB	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm (dd.mm.yyyy)	SL cổ phiếu nắm giữ	Điện thoại	Fax	Quốc tịch
1	2	3	4	5	6	11	12	15	17	18	19
1	Lê Song Lai	0-Nam	Nội bộ	012012162		1		34,495			Việt Nam
2	Lê Ngọc Oanh	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
3	Đặng Thị Hồng Lý	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
4	Nguyễn Kim Anh	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
5	Lê Song Bảo Châu	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
6	Lê Song Đức Trí	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
7	Lê Đặng Bảo Anh	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
8	Martyn Ronald Parker	0-Nam	Nội bộ	761289887		2					United Kingdom
9	Phan Kim Bằng	0-Nam	Nội bộ	011351268		2					Việt Nam
10	Phan Thị Thu Hồng	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
11	Phan Kim Bằng	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
12	Nguyễn Thị Sửu	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
13	Phan Hữu Minh Quang	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
14	Phan Thị Thu Huyền	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
15	Phan Kim Khoa	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
16	Phan Thị Nga	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
17	Phan Thị Minh Nguyệt	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
18	Phan Kim Khôi	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
19	Phan Mộng Quỳnh	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
20	Phạm Công Tử	0-Nam	Nội bộ	036063000133		3,6		277,348			Việt Nam
21	Phạm Công Loan	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
22	Nguyễn Thị Thín	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
23	Đinh Thu Trang	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ			20,767			Việt Nam
24	Phạm Công Minh	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
25	Phạm Công Minh Sơn	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
26	Phạm Công Nam Sơn	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
27	Phạm Văn Tư	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
28	Phạm Thị Tơ	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
29	Phạm Đại Tá	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
30	Phạm Thị Lua	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột			390			Việt Nam
31	Phạm Thị Thủy Len	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
32	Phạm Thị Hồng Gấm	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột			8,580			Việt Nam
33	Trần Vĩnh Đức	0-Nam	Nội bộ	011645494		3		34,495			Việt Nam
34	Trần Việt Hồ	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
35	Bùi Thị Như	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
36	Nguyễn Thị Lan Anh	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
37	Trần Anh Tuấn	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
38	Trần Khánh Linh	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
39	Trần Vĩnh Phúc	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
40	Trần Phúc Vinh	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
41	Trần Phúc Quang	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
42	Beat Schnegg	0-Nam	Nội bộ			3					
43	Đào Nam Hải	0-Nam	Nội bộ	031074000730		3					Việt Nam
44	Đào Văn Then	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
45	Phạm Thị Bình	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
46	Vũ Thái Huyền	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
47	Đào Hải Minh	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
48	Đào Huyền Mai	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
49	Đào Thị Thu Hà	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
50	Đào Thị Hương Giang	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
51	Phạm Sỹ Danh	0-Nam	Nội bộ			3					Việt Nam
52	Phan Thanh Thủy	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
53	Phạm Bá	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
54	Nguyễn Thị Mùi	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
55	Phạm Việt Đức	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
56	Phạm Văn Phước	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
57	Phạm Hoàng Vinh	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
58	Mai Xuân Dũng	0-Nam	Nội bộ	012282516		3,7		37,457			Việt Nam
59	Mai Xuân Nhân	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
60	Lê Thị Hữu	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
61	Nguyễn Thị Thu Hương	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ			195			Việt Nam
62	Mai Xuân Lộc	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
63	Mai Thanh Tú	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
64	Mai Thị Hương	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
65	Mai Xuân Hùng	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
66	Mai Xuân Khán	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
67	Mai Xuân Thành	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
68	Trần Trung Tình	0-Nam	Nội bộ	001074003940		4					Việt Nam
69	Trần Văn Đức	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
70	Trần Thị Mân	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
71	Nguyễn Thanh Huyền	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
72	Trần Minh	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
73	Trần Thị Lê Chuyên	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
74	Deepak Mohan	0-Nam	Nội bộ			5					
75	Trần Phan Việt Hải	0-Nam	Nội bộ	012847618		5,7		3,997			Việt Nam
76	Trần Đức Tao	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
77	Phan Thị Lái	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
78	Hà Kim Anh	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
79	Trần Quốc Trung	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
80	Trần Bá Tùng	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
81	Trần Việt Bách	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
82	Trần Thị Hà	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
83	Trần Phan Chi Công	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
84	Trần Phan Chi Tâm	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột			13,273			Việt Nam
85	Trần Yên Thế	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
86	Đỗ Quang Khánh	0-Nam	Nội bộ	011783831		5					Việt Nam
87	Đỗ Văn Tru	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
88	Phạm Thị Mặc	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
89	Nguyễn Thị Thu Hải	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
90	Đỗ Khánh Linh	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
91	Đỗ Hương Ly	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
92	Đỗ Minh Công	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
93	Đỗ Thị Sang	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
94	Đỗ Khắc Quyền	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
95	Đỗ Thị Hải	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
96	Đỗ Thị Huân	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
97	Đỗ Thị Minh	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
98	Lê Thị Thanh Hiền	1-Nữ	Nội bộ	B1969510		5					Việt Nam
99	Nguyễn Tuấn Anh	0-Nam	NCLQ		5-Chồng						Việt Nam
100	Lê Quán Tiên	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
101	Phạm Thị Hào	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
102	Nguyễn Khánh Chi	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam

103	Nguyễn Tuấn Phong	0-Nam	NCLQ		7-Con					Việt Nam
104	Lê Bích Liên	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột					Việt Nam
105	Lưu Thị Việt Hoa	1-Nữ	Nội bộ	011482362		10		163,722		Việt Nam
106	Lưu Văn Bông	0-Nam	NCLQ		1-Cha					Việt Nam
107	Lê Thị Băng Tâm	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ					Việt Nam
108	Nguyễn Văn Tiến	0-Nam	NCLQ		5-Chồng			1,911		Việt Nam
109	Nguyễn Hữu Tri	0-Nam	NCLQ		7-Con					Việt Nam
110	Nguyễn Thị Tường Vi	1-Nữ	NCLQ		7-Con					Việt Nam
111	Lưu Thị Việt Hồng	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột					Việt Nam
112	Lưu Thị Sơn Tùng	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột					Việt Nam
113	Đặng Thế Vinh	0-Nam	Nội bộ	011198095		7		39		Việt Nam
114	Đặng Ngọc Anh	0-Nam	NCLQ		1-Cha					Việt Nam
115	Đoàn Thị Sự	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ					Việt Nam
116	Bùi Thủy Hồng	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ					Việt Nam
117	Đặng Tuấn Phương	0-Nam	NCLQ		7-Con					Việt Nam
118	Đặng Phương Tùng	0-Nam	NCLQ		7-Con					Việt Nam
119	Đặng Thị Thế	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột					Việt Nam
120	Đặng Đình Lộc	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột					Việt Nam
121	Đặng Anh Quân	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột					Việt Nam
122	Đặng Quốc Huy	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột					Việt Nam
123	Đặng Thị Kim Mai	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột					Việt Nam
124	Nguyễn Thị Minh Châu	1-Nữ	Nội bộ	011198095		11		75,162		Việt Nam
125	Nguyễn Huy Bội	0-Nam	NCLQ		1-Cha					Việt Nam
126	Đặng Thị Ngân	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ					Việt Nam
127	Nguyễn Bình Đức	0-Nam	NCLQ		5-Chồng					Việt Nam
128	Nguyễn Mai Khanh	1-Nữ	NCLQ		7-Con					Việt Nam
129	Nguyễn Phúc Hiến Anh	1-Nữ	NCLQ		7-Con					Việt Nam
130	Nguyễn Trung Khoa	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột					Việt Nam